TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyến,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính -Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H; địa chỉ: Tổ K2, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Xuân H; địa chỉ: Tổ 11, phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) ngày 28-12-2018 và Bản tự khai ngày 09-01-2019, nguyên đơn là chị Trần Thị H (chị H) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Trần Xuân H (anh H) trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2006 nhưng đến ngày 18-4-2007 anh chị mới đến Ủy ban nhân dân phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra va chạm. Mức độ mâu thuẫn ngày càng căng thẳng,

vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung, anh chị có 01 con là Trần Thị Khánh L sinh ngày 21-02-2007. Chị H nhận nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và công nợ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt và Tòa án đã tống đạt những tài liệu sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh ngày ngày 17-01-2019 và Biên bản ghi lời khai của người làm chứng ngày 14-01-2019, gia đình, địa phương nơi chị H và anh H cư trú cung cấp về tình trạng, mức độ mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã kéo dài nhiều năm, rất căng thẳng và không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết theo nguyện vọng của nguyên đơn và nên giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng vì từ trước tới nay cháu vẫn ở với chị H và được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, ổn định, phù hợp với giới tính. Anh H có mặt tại gia đình, địa phương, biết được chị H có đơn xin ly hôn nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa. Tại Bản tự khai của con chưa thành niên ngày 09-01-2019, cháu Trần Thị Khánh L trình bày nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân chị xin được ly hôn với anh H; về con chung chị nhận nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do chị H xin tiếp tục nuôi con là vì trên thực tế từ trước tới nay chị vẫn trực tiếp nuôi cháu L, chị H làm kinh doanh, có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi dạy con trong điều kiện tốt nhất. Về tài sản và công nợ chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa, do vậy không có lời khai.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án nhân dân quận K đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt, thông bảo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 173, Điều 177, Điều 203, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 và 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Xuân H. Về con chung: Đề nghị giao con Trần Thị Khánh L sinh ngày 21-02-2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H nhận đảm bảo được việc nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tài sản chung và công nợ, chị H và anh H đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn trong vụ án và cư trú tại tổ 11, phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K thụ lý vụ án vào ngày 02-01-2019 và có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 30-01-2019 là đúng thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt nên Tòa án đã tống đạt hợp lệ những tài liệu sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Trong bản tự khai, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện nội dung chị H và anh H xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, quận K, Hải Phòng vào ngày 18-4-2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi chung sống được một thời gian

giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Anh chị đã sống ly thân một thời gian dài nhưng không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh H. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh H đều không có mặt. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh H. Như vậy có thể thấy rằng chị H và anh H không còn yêu thương, quý trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mức độ mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh Hóa.

[5] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng con chung: Chị H nhận trực tiếp nuôi con Trần Thị Khánh L sinh ngày 21-02-2007 đến khi con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy đề nghị nuôi con của chị H là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với nguyện vọng của con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Trần Thị Khánh L sinh ngày 21-02-2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Hưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị H và anh Hóa đ không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Xuân H.

2. Về con chung: Giao con Trần Thị Khánh L sinh ngày 21 tháng 02 năm 2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị H và anh Trần Xuân H không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010383 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND p. Tr, quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyến